TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST Ngày: 19 - 9 - 2024 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Bé T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 0 V, Khu P, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An. (vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Bé T trình bày:

Chị Ngô Thị Bé T và anh Võ Văn T tự nguyện kết hôn năm 2008, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị T và anh T chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị T và anh T không sống chung từ năm 2011 cho đến nay. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ

chồng có 01 con chung tên Võ Ngọc Anh T, sinh ngày 10/9/2008, hiện nay Anh T do anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Nay chị T yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: Chị T thống nhất giao con chung tên Võ Ngọc Anh T, sinh ngày 10/9/2008 cho anh Võ Văn T nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/6/2024 nguyên đơn chị Ngô Thị Bé T có đơn đề nghị vắng mặt xét xử.

* Bị đơn anh Võ Văn T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T. Anh T xác định nội dung trong yêu cầu khởi kiện chị Ngô Thị Bé T trình bày là đúng. Anh Võ Văn T và chị Ngô Thị Bé T tự nguyện chung sống vào năm 2008, nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An. Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Võ Ngọc Anh T, sinh ngày 10/9/2008, hiện nay Anh T do anh T nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị Bé T. Về con chung: Anh T thống nhất nuôi con chung tên Võ Ngọc Anh T, sinh ngày 10/9/2008 đến khi thành niên, anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 03/7/2024 bị đơn anh Võ Văn T có đơn đề nghị vắng mặt xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao con chung tên Võ Ngọc Anh T, sinh ngày 10/9/2008 cho anh Toàn nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/5/2024, chị Ngô Thị Bé T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T có nơi cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn chị Ngô Thị Bé T và bị đơn anh Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân nhân: Chị Ngô Thị Bé T và anh Võ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị T và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên cuộc sống không còn hạnh phúc và vợ chồng không sống chung từ năm 2011.

Xét thấy, từ khi không còn sống chung đến nay, anh T không chủ động gặp chị T để hàn gắn tình cảm, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị T và anh T không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên Võ Ngọc Anh T, sinh ngày 10/9/2008, hiện nay Anh T do anh T đang nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị Bé T thống nhất giao con chung tên Võ Ngõ Anh T, sinh ngày 10/9/2008 đến khi thành niên. Qua ý kiến trình bày nguyện vọng của con chung Võ Ngọc Anh T có nguyện vọng sống cùng với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Võ Ngọc Anh T, sinh ngày 10/9/2008 cho anh T nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thị Bé T và anh Võ Văn T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Bé Trang T và anh Võ Văn T không cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Ngô Thị Bé T và anh Võ Văn T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, buộc chị Ngô Thị Bé T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; anh Võ Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Bé T được ly hôn với anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Ngọc Anh T, sinh ngày 10/9/2008 cho anh Võ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi Anh T thành niên. Chị Ngô Thị Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Ngọc Anh T cho chị T, không ai được cản trở. Chị Ngô Thị Bé T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Võ Ngọc Anh T của anh Võ Văn T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị Bé T và anh Võ Văn T không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị Bé T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004412 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng, như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Võ Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Bé Trang và anh Võ Văn Toàn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được

bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.